

Số: /KH-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”(gọi tắt là Quyết định 131);

Căn cứ Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc Chuyển đổi số, hoàn thiện Chính quyền điện tử, hướng đến Chính quyền số và Phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Kế hoạch 302);

Căn cứ Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc cải thiện và nâng cao Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025(gọi tắt là Kế hoạch 327);

Xét Tờ trình số 1166/TTr-SGDĐT ngày 29/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

-Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT, tạo đột phá trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục; tác động tích cực, toàn diện đến phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

-Hoàn thiện thể chế trên cơ sở các mô hình thử nghiệm và phát triển nền tảng, tài nguyên số về giáo dục.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phải bám sát Quyết định 131 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 302 của UBND tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi, trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ

thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, tiện ích, bao quát và có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiến bộ của công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số, chuyển đổi số vào 100% trường phổ thông; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, an toàn thông tin liên quan đến chuyển đổi số cho 100% cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: Ít nhất 50% học sinh, học viên, sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo, cá thể hóa và tạo cơ hội trong việc tiếp cận, tăng hiệu quả trong việc học tập.

- + Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh, xây dựng cơ sở dữ liệu về học liệu số và triển khai dạy học trực tuyến qua hệ thống bài giảng điện tử. Hệ thống thư viện điện tử, sách giáo khoa điện tử, bài giảng e-Learning tất cả các trường từ mầm non đến trung học phổ thông (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương

trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và nguồn dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đáp ứng chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc.

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

+ Trang bị hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng việc chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục cho 100% cơ sở giáo dục. Sẵn sàng chuyển đổi trạng thái dạy và học từ trực tiếp sang học trực tuyến trong điều kiện yêu cầu cần thiết.

- Về quản lý giáo dục: Triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục đã được Bộ GDĐT thiết lập và cập nhật, khai thác hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, đồng nhất với cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục từ Mầm non đến THPT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với Trung tâm dữ liệu của tỉnh, cung cấp dữ liệu ngành giáo dục lên cổng dữ liệu mở của tỉnh đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Các cơ quan quản lý giáo dục trong toàn tỉnh được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ Xây dựng hệ thống quản lý ngân hàng câu hỏi, phần mềm kiểm tra, đánh giá đối với học sinh phổ thông và giáo dục thường xuyên.

+ Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán..

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 90%.

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến

của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%.

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến của tỉnh tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; cung cấp hệ thống tài liệu học tập số đối với chương trình giáo dục phổ thông.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của tỉnh được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách hỗ trợ sử dụng máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên.

b) Phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR).

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy, học

Triển khai, thí điểm các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo kết hợp dạy học trực tiếp với trực tuyến) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng cho các môn học, tiên phong là môn học Ngoại ngữ.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu

số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

- a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục và đào tạo Vĩnh Phúc(bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT đến Bộ GD&ĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục theo chỉ đạo của Bộ GDĐT.

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế, tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo tất cả các nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình,

triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của tỉnh theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy, học trong các nhà trường.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Rà soát, ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục; ban

hành các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

c) Ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách hỗ trợ máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách Internet giáo dục trên địa bàn tỉnh.

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Danh mục các nội dung chuyển đổi số (Có phụ lục 1 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch (Có phụ lục 1 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

3. Ưu tiên triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì thực hiện Kế hoạch, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng Đề án/Kế hoạch chi tiết về chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, dự toán kinh phí hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định. Thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh và Bộ GDĐT; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc cần đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đồng thời phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở,

ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

- Thí điểm triển khai chuyển đổi số toàn diện đối với trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc.

- Phối hợp với UBND thành phố Vĩnh Yên thí điểm triển khai chuyển đổi số toàn diện đối với trường THCS Vĩnh Yên.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở GDĐT trong việc hỗ trợ các địa phương, cơ sở giáo dục ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục.

- Chịu trách nhiệm thẩm định chất lượng các trang thiết bị, công nghệ, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định giá thiết bị, sản phẩm công nghệ thông tin trên cơ sở đề xuất của ngành giáo dục và UBND các huyện, thành phố; xem xét các nội dung đề xuất trang bị đảm bảo tính liên thông đồng bộ với hệ thống quản lý điều hành của tỉnh.

- Chủ trì trong công tác truyền thông và chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn hỗ trợ, có chính sách ưu đãi đối với chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động giáo dục; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu số.

- Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các nội dung, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan để thẩm định giá các sản phẩm công nghệ thông tin theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ nội dung Kế hoạch, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc đối tượng đầu tư công và thuộc trách nhiệm quản lý, đầu tư cấp tỉnh theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Căn cứ nội dung Kế hoạch, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương. Cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch, thực hiện phân cấp đầu tư, thực hiện Kế hoạch trong phạm vi, quyền hạn được giao.

Có giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm điều kiện chuyển số trong các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý;

Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp kịp thời chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX2, VX3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

Phụ lục 1

KHÁI TOÁN VÀ DANH MỤC DỰ ÁN CNTT ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030

DVT: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tóm tắt mục tiêu đầu tư	Quy mô dự kiến đầu tư	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến		Thời gian thực hiện dự			Nguồn vốn thực		Ghi chú
						Cấp Tỉnh	Xã hội hóa	2022	2023-2025	2025-2030	Sự nghiệp	Đầu tư công	
I	Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT và CSDL ngành giáo dục, gồm các phân hệ, chức năng:												
1	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT	- Hệ thống CSDL ngành là hệ thống CNTT chuyên ngành do Bộ GD&ĐT xây dựng, quản lý, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, có chức năng phục vụ báo cáo, thu thập, tổng hợp dữ liệu số hóa về GDMN, GDPT, GDTX từ địa phương đến Trung ương, được thiết lập và vận hành trên Internet tại địa chỉ https://cSDL.moet.gov.vn/ - CSDL ngành gồm các CSDL thành phần: CSDL về trường học; CSDL về lớp học; CSDL về đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên; CSDL về học sinh; CSDL về CSVC; CSDL thành phần khác do Bộ GD quy định theo từng giai đoạn.	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDTX	Bộ GD&ĐT	Sở GD&ĐT và các đơn vị có liên quan								
2	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn ngành GD&ĐT	Xây dựng hệ thống phần mềm trực tuyến gồm nhiều phân hệ quản lý cơ sở dữ liệu về: - Thông tin Nhà trường, phòng học, lớp học,... - Thông tin Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh - Quá trình dạy và học, Học bạ điện tử, Điểm, đánh giá quá trình học tập. - Số hóa hồ sơ sổ sách giáo dục. - Hệ thống quản trị nhà trường phục vụ công tác thống kê, báo cáo có khả năng tích hợp chia sẻ dữ liệu với các hệ thống phần mềm chuyên ngành và hệ thống CSDL quốc gia của Bộ GD&ĐT và Trung tâm dữ liệu mở của Tỉnh	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDTX	Sở GD&ĐT	Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan	18,000		Thử nghiệm	2023-2025		Đầu tư công trung hạn	Đầu tư 01 lần hoặc thuê dịch vụ 8 triệu 1 năm/ 1 trường	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tóm tắt mục tiêu đầu tư	Quy mô dự kiến đầu tư	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến		Thời gian thực hiện dự			Nguồn vốn thực		Ghi chú
						Cấp Tỉnh	Xã hội hóa	2022	2023-2025	2025-2030	Sự nghiệp	Đầu tư công	
3	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý công chức, viên chức, thi đua khen thưởng và đánh giá viên chức, đánh giá chuẩn nghề nghiệp viên chức trong toàn ngành giáo dục từ MN đến THPT	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Cán bộ, công chức, viên chức, thi đua khen thưởng và đánh giá viên chức, đánh giá chuẩn nghề nghiệp viên chức trong toàn ngành giáo dục từ MN đến THPT	- Sở GDĐT - Các trường THPT - Các phòng GDĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDTX	Sở GDĐT	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	6,000		KH 326/KH-UBND ngày 31/12/2021	2022-2023		Nguồn sự nghiệp		
4	Hệ thống quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý toàn bộ cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục của ngành GDĐT từ cấp MN đến THPT	- Sở GDĐT - Các trường THPT - Các phòng GDĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDTX	Sở Tài chính	Sở GDĐT và các cơ quan, đơn vị có liên quan								
5	Nâng cấp hệ thống công thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo	Nâng cấp hệ thống công thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo và các trang thành phần	- Sở GDĐT - Các trường THPT - Các phòng GDĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDTX	Sở GDĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	6,000		KH 326/KH-UBND ngày 31/12/2021	2022-2023		Nguồn sự nghiệp		Đang thực hiện xin chủ trương

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tóm tắt mục tiêu đầu tư	Quy mô dự kiến đầu tư	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp thực hiện	Tổng mức đầu tư dự		Thời gian thực hiện dự kiến			Nguồn vốn thực		Ghi chú
						Cấp Tỉnh	Xã hội hóa	2022	2023-2025	2025-2030	Sự nghiệp	Đầu tư công	
II Phát triển hệ sinh thái chuyên đổi số lĩnh vực GD&ĐT (hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học, ...)													
1	Cung cấp chữ ký số cho giáo viên toàn ngành	Cho phép giáo viên và CBQL ký số các hồ sơ, giáo án	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDIX	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở GD&ĐT, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan			Miễn phí	Miễn phí	2025-2030	Nguồn sự nghiệp	Sở TT&TT phối hợp Ban cơ yếu chính phủ cấp miễn phí	
2	Xây dựng hệ thống quản lý ngân hàng câu hỏi, phần mềm học, kiểm tra, đánh giá tập trung trực tuyến phục vụ học sinh, giáo viên GDPT và GDIX	Xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi và phần mềm quản lý thi, kiểm tra, đánh giá học trực tuyến phục vụ các cấp học trong toàn tỉnh để quản lý, tổ chức các kỳ thi cho giáo viên và học sinh đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan, công bằng, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các TT GDNN-GDIX - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDIX	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	0.1/hs/năm	Xã hội hóa	Xã hội hóa	Xã hội hóa		Hàng năm	XXH Thuê 100.000đ /học sinh /Năm	
3	Hệ thống thư viện điện tử, sách giáo khoa điện tử, bài giảng e-Learning, kho học liệu số	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý thư viện điện tử, sách giáo khoa điện tử, bài giảng e-Learning, kho học liệu số trong toàn ngành GD&ĐT, các kho giáo trình, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu số trực tuyến hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá năng cao chất lượng dạy học	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDIX	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	19,000		2023-2025	2025-2030		Đầu tư công trung hạn	Đầu tư 01 lần hoặc thuê dịch vụ 3 triệu 1 năm / 1 trường	
4	Số hóa văn bản tốt nghiệp	Xây dựng hệ thống tra cứu trực tuyến văn bản tốt nghiệp	- Sở GD&ĐT - Các Phòng GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2,900	KH 326/KH-UBND ngày 31/12/2021	2022-2023		Nguồn sự nghiệp	Đang thực hiện xin chủ trương		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tóm tắt mục tiêu đầu tư	Quy mô dự kiến đầu tư	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp thực hiện	Tổng mức đầu tư dự		Thời gian thực hiện dự kiến			Nguồn vốn thực		Ghi chú
						Cấp Tỉnh	Xã hội hóa	2022	2023-2025	2025-2030	Sự nghiệp	Đầu tư công	
III Thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực GD&ĐT trong đào tạo, bồi dưỡng năng lực số													
1	Bồi dưỡng	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDIX	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	10,000		Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Nguồn sự nghiệp	KH 105/KH-UBND ngày 20/4/2022	
2	Đào tạo	Phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở lồng ghép vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành kỹ năng cần thiết cho công dân số	- Sở GD&ĐT - Các trường THPT - Các phòng GD&ĐT - Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDIX - Các trường THPT	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	10,000		Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Nguồn sự nghiệp		
2	Mô hình trường học STEAM	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM /STEAME), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về Khoa học máy tính	- Các trường MN - Các trường TH - Các trường THCS - Các TT GDNN-GDIX	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	10,000		Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Nguồn sự nghiệp		
IV Thực hiện chuyển đổi số trong GD&ĐT (đảm bảo các điều kiện hạ tầng triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành GD&ĐT)													
1	Hệ thống họp, đào tạo trực tuyến	Xây dựng hệ thống phòng họp, đào tạo trực tuyến để tổ chức các cuộc họp, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và học sinh	-Sở GD&ĐT -9 phòng GD&ĐT - 9 trường THPT ở 9 huyện, TP	Sở GD&ĐT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	18,000			2022-2025		Đầu tư công trung hạn	Đang thực hiện xin chỉ trương	
2	Các điều kiện hạ tầng khác thực hiện theo Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông tỉnh Vĩnh Phúc								2022-2025				
Tổng kinh phí						99,900							